

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: **49/2018/DS-PT**

Ngày: 31/07/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thanh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Tuyết

Bà Lê Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thiên Hương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2018 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2018/QĐ-PT ngày 09/7/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Trương Đức Đ, bà Lê Thị M

Cùng trú tại: TDP 1, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Lê Thị M ủy quyền cho ông Trương Đức Đ. (Theo giấy ủy quyền số 29354, quyển số 59, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2017 của Văn phòng Công chứng Đình Vân).(Có mặt)

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn H – Văn Phòng Luật sư Văn H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

* Bị đơn: - Ông Nguyễn Đức K

Địa chỉ: TDP 2, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Bà Trương Hoàng P

Địa chỉ: TDP 3, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

* Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Đức K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010, vợ chồng ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M có cho vợ chồng con gái là bà Trương Hoàng P và ông Nguyễn Đức K vay 02 (Hai) lần, với tổng số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) (tháng 4/2010

vay 300.000.000đ; tháng 12/2010 vay 250.000.000đ) để mua xe ô tô trang trải cuộc sống gia đình nhưng các bên không viết giấy vay, mượn tiền. Nhưng đến năm 2012, vợ chồng ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P đã xảy ra mâu thuẫn nên ngày 27/9/2012, ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M đã yêu cầu ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P viết giấy vay, mượn số tiền nêu trên. Tại giấy vay, mượn tiền, các bên thỏa thuận lúc nào ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M yêu cầu thì ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P phải có trách nhiệm trả nợ. Hiện tại, ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P đã ly hôn nên ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M yêu cầu ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P mỗi người phải trả cho ông và bà số tiền 275.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P thừa nhận có vay 550.000.000đ (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*) của ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M và đồng ý trả theo yêu cầu của ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M. Ngoài ra, ông Nguyễn Đức K có khai thêm rằng: Mục đích của việc vay, mượn tiền là để mở cửa hàng quần áo Lyly chứ không phải để mua xe ô tô như ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M đã khai. Năm 2012, ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P có vay thêm của cha ông Nguyễn Đức K là ông Nguyễn Đức L số tiền 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) để bổ sung vốn vào cửa hàng. Tổng số tiền mà ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P đầu tư vào cửa hàng Lyly là 680.000.000đ. Sau khi ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P xảy ra mâu thuẫn, ông Trương Đức Đ và bà Trương Hoàng P đã tẩu tán toàn bộ tài sản trong cửa hàng nên trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đức K có yêu cầu phản tố buộc ông Trương Đức Đ và bà Trương Hoàng P trả lại cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền đầu tư vào cửa hàng là 340.000.000đ. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Đức K không có tiền nộp tiền tạm ứng án phí nên ông Nguyễn Đức K đã rút yêu cầu phản tố và sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau bằng một vụ án khác khi ông Nguyễn Đức K có tiền để nộp tạm ứng án phí.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 287, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đức Đ, bà Lê Thị M.

Buộc ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P mỗi người phải trả cho ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M số tiền 275.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 19/5/2018, bị đơn ông Nguyễn Đức K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết buộc bà Trương Hoàng P phải trả cho ông Nguyễn Đức K 50% tiền đầu tư cửa hàng Lyly là 340.000.000đ (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng*).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Đức K và bà Trương Hoàng P mỗi người phải trả cho ông và bà số tiền mượn là 275.000.000đ.

Bị đơn ông Nguyễn Đức K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã nêu ở trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Nguyễn Văn H trình bày: việc vay, mượn tiền giữa các bên được thể hiện thông qua giấy mượn tiền. Tại phiên tòa các bị đơn là ông Nguyễn Đức K, bà Trương Hoàng P đều thừa nhận số nợ như nguyên đơn ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M đã trình bày. Do đó, yêu cầu ‘*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*’ của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức K và giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M vắng mặt, tuy nhiên bà Lê Thị M đã có văn bản ủy quyền cho ông Trương Đức Đ tham gia tố tụng và ông Trương Đức Đ có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Thị M là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Đức K: Ông Nguyễn Đức K có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết buộc ông Trương Đức Đ và bà Trương Hoàng P phải trả lại cho ông Nguyễn Đức K ½ tiền đầu tư vào cửa hàng quần áo Lyly là 340.000.000đ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Đức K đã có đơn phản tố đề nghị ông Trương Đức Đ và bà Trương Hoàng P phải thanh toán cho ông Nguyễn Đức K ½ số tiền đầu tư vào cửa hàng quần áo Lyly là 340.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho ông Nguyễn Đức K nộp tiền tạm ứng án phí. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đức K đã có đơn xin rút yêu cầu phản tố với lý do không có tiền nộp tiền tạm ứng án phí. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đức K là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức K và cần giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 287, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là không đúng theo quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cấp phúc thẩm cần phải điều chỉnh lại cho đúng quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Đức K phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 297, 471, 474 và Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M. Buộc ông Nguyễn Đức K, bà Trương Hoàng P mỗi người phải trả cho ông Trương Đức Đ và bà Lê Thị M số tiền 275.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về án phí:* Ông Nguyễn Đức K phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), theo biên lai thu số AA/2016/0003947 ngày 04/06/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, Khánh Hòa. Ông Nguyễn Đức K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thị xã N;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Đình Thanh